

Số: 196 /QĐ-UBND

Mỹ Xuyên, ngày 09 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xã Ngọc Tố,
huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật QCVN 07:2016/BXD;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 31/2009/TT-BXD ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Bộ Xây dựng ban hành Tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng nông thôn.

Căn cứ Quyết định số 2992/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Xuyên về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Ngọc Tố, huyện Mỹ Xuyên;

Căn cứ Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Xuyên về việc phê duyệt nhiệm vụ Điều chỉnh quy hoạch chung xã Ngọc Tố, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Công văn số 2841/SXD-QHKT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng góp ý đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xã Ngọc Tố, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Mỹ Xuyên tại Tờ trình số 61/TTr-KT&HT ngày 30 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xã Ngọc Tố, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, với những nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh Quy hoạch chung xã Ngọc Tố, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

2. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch:

a) Vị trí lập quy hoạch: xã Ngọc Tố, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

b) Phạm vi ranh giới lập quy hoạch:

- Phía Đông giáp xã Thạnh Thới Thuận, huyện Trần Đề.
- Phía Tây giáp xã Hòa Tú 1 - Hòa Tú 2, huyện Mỹ Xuyên.
- Phía Nam giáp xã Vĩnh Hiệp, thị xã Vĩnh Châu.
- Phía Bắc giáp xã Ngọc Đông, huyện Mỹ Xuyên.

c) Quy mô lập quy hoạch: 2.777,01 ha.

3. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã:

3.1. Mục tiêu: Đáp ứng các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới nâng cao, cụ thể hóa định hướng phát triển kinh tế, xã hội của huyện trong phát triển xây dựng trên địa bàn xã đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Cập nhật các dự án đang thực hiện và chuẩn bị thực hiện trên địa bàn xã Ngọc Tố, điều chỉnh quy hoạch nhằm bổ sung các tiêu chí chưa phù hợp với các quy định mới về xây dựng xã nông thôn mới nâng cao.

3.2. Tính chất: là xã thuần nông, phát triển chủ đạo về nông nghiệp, thế mạnh là nuôi trồng thủy sản, kinh tế tiểu thủ công nghiệp,...đáp ứng các tiêu chí Quy hoạch xây dựng nông thôn mới nâng cao; loại hình sản xuất chính là nuôi trồng thủy sản.

3.3. Phân khu chức năng:

- Khu trung tâm xã (hành chính, dịch vụ - thương mại, văn hóa - thể thao,...).
- Khu ở (gồm lô đất ở gia đình và các công trình phục vụ trong thôn, xóm).
- Các công trình sản xuất và phục vụ sản xuất.
- Các công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Các công trình hạ tầng xã hội.
- Khu Tiểu thủ công nghiệp (nếu có).
- Khu dành cho sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và các mục đích khác,...

4. Quy mô dân số, lao động; các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu:

4.1. Dự báo quy mô dân số, lao động

- Dân số hiện trạng toàn xã có 2.628 hộ với số nhân khẩu là 10.639 người.
- Tỷ lệ tăng dân số tính toán theo niên giám thống kê là 0,05%.
- Dân số dự kiến: Năm 2025 là 10.655 người; đến năm 2030 là 10.682 người.
- Dự báo lao động cho toàn xã theo các ngành sản xuất:
 - + Năm 2021 số lao động trong độ tuổi lao động là 6.035 người, chiếm tỷ lệ 56,73%.
 - + Năm 2025 số lao động trong độ tuổi lao động là 6.066 người, chiếm 56,93%.
 - + Năm 2030 số lao động trong độ tuổi lao động là 6.108 người, chiếm 57,18%.

4.2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu:

4.2.1. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đối với hệ thống công trình công cộng, dịch vụ:

- Diện tích đất trụ sở cơ quan xã: $\geq 1.000 \text{ m}^2$.
- Nhà trẻ, trường mầm non: $\geq 12 \text{ m}^2/\text{học sinh}$.
- Trường tiểu học: $\geq 10 \text{ m}^2/\text{học sinh}$.
- Trường trung học cơ sở: $\geq 10 \text{ m}^2/\text{học sinh}$.
- Trạm y tế xã: $\geq 1.000 \text{ m}^2/\text{trạm}$.
- Nhà văn hóa - khu thể thao xã: $\geq 2.500 \text{ m}^2$.
- Nhà văn hóa - khu thể thao ấp : $\geq 800 \text{ m}^2$.
- Điểm phục vụ bưu chính - viễn thông: $\geq 150 \text{ m}^2/\text{điểm}$.
- Nghĩa trang: $\geq 0,04 \text{ ha}/1.000 \text{ người}$.

4.2.2. Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật

- Cấp điện: Nhu cầu điện phục vụ sinh hoạt: 150 W/người;
 - + Nhu cầu điện cho công trình công cộng phải đảm bảo $\geq 15\%$ nhu cầu điện sinh hoạt.
 - + Nhu cầu điện phục vụ sản xuất phải dựa theo các yêu cầu cụ thể của từng cơ sở sản xuất.
- Cấp nước:

- + Có đường ống dẫn đến và vòi nước gia đình: ≥ 60 lít/người/ngày;
- + Sử dụng vòi nước công cộng: ≥ 40 lít/người/ngày.
- Thoát nước: Đạt 80% tiêu chuẩn cấp nước.
- Vệ sinh môi trường:
 - + Chất thải rắn sinh hoạt và sản xuất phải được thu gom và xử lý tại các cơ sở xử lý tập trung;
 - + Trạm trung chuyển CTR không cố định phải đặt cách công trình nhà ở và các khu vực thường xuyên tập trung đông người ≥ 20 m.
- Nghĩa trang: Địa điểm quy hoạch nghĩa trang phải phù hợp với khả năng khai thác quỹ đất; phù hợp với tổ chức phân bố dân cư và kết nối công trình hạ tầng kỹ thuật; đáp ứng nhu cầu táng trước mắt và lâu dài. Quy mô diện tích các nghĩa trang tập trung phải đảm bảo chỉ tiêu tối thiểu 0,04 ha/1.000 người.

5. Phân khu chức năng định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã:

5.1. Vị trí và quy mô:

- Định hướng vị trí trung tâm xã lồng ghép Khu hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn thuộc ấp Cổ Cờ, vị trí thuận lợi khi nằm tại điểm giao của 02 tuyến đường Tỉnh 936 và đường Tỉnh 936B, có một phần tiếp giáp sông Cổ Cờ và Dù Tho nên thuận lợi cả về đường thủy lẫn đường bộ, có tứ cận như sau:

- + Phía Đông giáp sông Dù Tho.
- + Phía Tây giáp kênh Thầy Chín (kênh Cột Cờ).
- + Phía Nam giáp sông Cổ Cờ.
- + Phía Bắc giáp kênh Trục 9.
- Quy mô diện tích dự kiến: 64 ha.
- Dân số dự kiến: 4.500 - 5.000 người.

5.2. Phân khu chức năng:

Phát triển khu dân cư tập trung tâm xã thuộc ấp Cổ Cờ với các khu chức năng:

- Khu hành chính tập trung.
- Công trình văn hóa - Thể dục thể thao.
- Công trình giáo dục, y tế.
- Công trình thương mại - dịch vụ.
- Khu ở mới, cải tạo chỉnh trang, ở kết hợp thương mại dịch vụ.
- Đất hạ tầng kỹ thuật,...

5.3. Tính chất:

- Là khu hành chính tập trung, giáo dục, thể dục thể thao, chợ, nhà ở mới kết hợp cải tạo chỉnh trang, ở kết hợp thương mại dịch vụ.

- Là điểm dân cư tập trung đáp ứng tiêu chí nông thôn mới.
- Là khu chế biến, tập kết nông sản, tập trung các công trình thương mại, tiểu thủ công nghiệp, khu sản xuất, hợp tác xã,... hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn.

5.4. Định hướng phát triển tuyến dân cư:

- Phát triển các tuyến dân cư theo các tuyến đường hiện hữu và quy hoạch mới, gồm có 4 tuyến dân cư:

- + Tuyến dân cư số 1: Nằm 2 bên trục Đường tỉnh 936, quy mô 20 ha.
 - + Tuyến dân cư số 2: Nằm 2 bên trục Đường tỉnh 936B, quy mô 65 ha.
 - + Tuyến dân cư số 3: Nằm dọc theo 2 bên Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây, quy mô 37 ha.
 - + Tuyến dân cư số 4: Nằm dọc theo 2 bên Đường huyện 51, quy mô 30 ha.
- Tính chất: Là tuyến dân cư đáp ứng các chỉ tiêu điểm dân cư nông thôn.

6. Định hướng tổ chức không gian xã:

6.1. Vị trí, quy mô, định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng, dịch vụ cấp xã:

a) Ấp Cổ Cò:

- **Khu hành chính xã Ngọc Tố:** Tổng diện tích đất 10.255,10 m². Quy hoạch nâng cấp, cải tạo, mật độ xây dựng ≤ 40%, tầng cao tối đa 3 tầng. Trong đó:

+ Trụ sở Đảng Ủy - Ủy ban nhân dân xã gồm: Trụ sở Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, Đảng ủy, các đoàn thể (Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Mặt trận Tổ quốc,...), vị trí nằm trong khu trung tâm xã, cặp Đường N1, hiện trạng diện tích xây dựng 490,05 m², tầng cao 2 tầng.

+ Quân sự: Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Ngọc Tố, vị trí nằm trong khu trung tâm xã, cặp Đường N1, hiện trạng diện tích xây dựng 136,80 m², tầng cao 1 tầng.

+ Công An: Hiện nay trụ sở đang hoạt động trong khu trung tâm xã, cặp Đường N1, hiện trạng diện tích xây dựng 108,70 m², tầng cao 1 tầng, không đảm bảo theo quy định của Bộ Công An từ 1.000 m² - 2.000 m². Quy hoạch mới Trụ sở Công An xã Ngọc Tố tại ấp Cổ Cò, vị trí nằm cặp Đường Tỉnh 936, Đường N1, diện tích đất 2.000 m², mật độ xây dựng ≤ 40%, tầng cao xây dựng tối đa 2 tầng.

+ Nhà văn hóa xã Ngọc Tố: Vị trí nằm trong khu trung tâm xã, cặp Đường N1, hiện trạng diện tích xây dựng 374,66 m², tầng cao 1 tầng.

+ Nhà Tường niệm xã Ngọc Tố: Vị trí nằm trong khu trung tâm xã, cặp Đường N1, diện tích đất 1.200,00 m², tầng cao 1 tầng. Quy hoạch nâng cấp, cải tạo, mật độ xây dựng ≤ 40%, tầng cao tối đa 1 tầng.

- Giáo dục:

+ Trường Mầm non Ngọc Tố (điểm chính áp Cổ Cò): Vị trí nằm trong khu trung tâm xã, cặp Đường N1, diện tích đất 3.420 m², tầng cao 1 tầng. Quy hoạch nâng cấp, cải tạo, mật độ xây dựng ≤ 40%, tầng cao tối đa 2 tầng.

+ Trường Tiểu Học Ngọc Tố 2 (điểm chính áp Cổ Cò): Vị trí nằm trong khu trung tâm xã, cặp Đường N1, diện tích đất 4.600 m², tầng cao 2 tầng. Quy hoạch nâng cấp, cải tạo, mật độ xây dựng ≤ 40%, tầng cao tối đa 3 tầng.

+ Trường Trung học cơ sở Ngọc Tố (điểm chính áp Cổ Cò): Vị trí nằm trong khu trung tâm xã, cặp Đường N1, diện tích đất 9.803 m², tầng cao 2 tầng. Quy hoạch nâng cấp, cải tạo, mật độ xây dựng ≤ 40%, tầng cao tối đa 3 tầng.

+ Trường Trung học phổ thông Ngọc Tố (điểm chính áp Cổ Cò): Vị trí nằm trong khu trung tâm xã, cặp Đường N1, diện tích đất 9.218 m², tầng cao 2 tầng. Quy hoạch nâng cấp, cải tạo, mật độ xây dựng ≤ 40%, tầng cao tối đa 3 tầng.

- **Khu thể thao đa năng:** Vị trí nằm trong khu trung tâm xã, cặp Đường N1, diện tích đất 2.200 m². Quy hoạch nâng cấp, cải tạo, mật độ xây dựng ≤ 40%, tầng cao tối đa 1 tầng.

- **Chợ Cổ Cò:** Vị trí nằm trong khu trung tâm xã, áp Cổ Cò, diện tích đất 7.200 m². Quy hoạch nâng cấp, cải tạo, mật độ xây dựng ≤ 40% tầng cao tối đa 2 tầng.

- **Trạm Cấp nước xã Ngọc Tố:** Vị trí ở áp Cổ Cò, diện tích đất 500 m². Quy hoạch nâng cấp, cải tạo, mật độ xây dựng ≤ 60%, tầng cao tối đa: 2 tầng.

- **Bưu điện xã Ngọc Tố:** Vị trí ở áp Cổ Cò, diện tích đất 264,80 m². Quy hoạch nâng cấp, cải tạo, mật độ xây dựng ≤ 40%, tầng cao tối đa 2 tầng.

- **Nghĩa Trang:** Quy hoạch mới Nghĩa trang nhân dân xã Ngọc Tố, vị trí ở áp Cổ Cò, diện tích đất 13.794 m².

- **Nhà Văn hóa - Khu Thể thao áp Cổ Cò:** Vị trí ở áp Cổ Cò, diện tích đất 74,80 m², tầng cao 1 tầng. Quy hoạch nâng cấp, mở rộng, diện tích đất 800 m², trong đó diện tích đất Nhà Văn hóa 300 m², Khu thể thao áp 500 m², mật độ xây dựng ≤ 40%, tầng cao tối đa 2 tầng.

b) Áp Hòa Muôn:

- Trạm y tế xã Ngọc Tố: vị trí nằm cặp Đường tỉnh 936B, diện tích đất 1.500,00 m², tầng cao 2 tầng. Quy hoạch nâng cấp, cải tạo, mật độ xây dựng ≤ 40%, tầng cao tối đa 3 tầng.

- Nhà Văn hóa - Khu Thể thao áp Hòa Muôn: vị trí nằm cặp Đường tỉnh 936B, diện tích đất 100 m², tầng cao 1 tầng. Quy hoạch nâng cấp, mở rộng, diện tích đất 800 m², trong đó: diện tích đất nhà văn hóa 300 m², khu thể thao áp 500 m², mật độ xây dựng ≤ 40%, tầng cao tối đa 2 tầng.

- Cổ Miếu Thiên Hậu Thánh Mẫu: Giữ nguyên hiện trạng, vị trí nằm cặp Đường tỉnh 936B, diện tích đất 1.620 m², tầng cao 1 tầng.

c) Ấp Lương Văn Hoàng:

- Trường Mầm non Ngọc Tố (điểm lẻ ấp Lương Văn Hoàng): Vị trí nằm cặp Đường tỉnh 936B, diện tích đất 1.461 m², tầng cao 1 tầng. Quy hoạch nâng cấp, cải tạo, mật độ xây dựng ≤ 40%, tầng cao tối đa 2 tầng.

- Trường Tiểu Học Ngọc Tố 1 (điểm chính ấp Lương Văn Hoàng): Vị trí nằm cặp Đường tỉnh 936B, diện tích đất 3.309 m², tầng cao 2 tầng. Quy hoạch nâng cấp, cải tạo, mật độ xây dựng ≤ 40%, tầng cao tối đa 3 tầng.

- Chợ Hòa Quới: Vị trí ở ấp Lương Văn Hoàng, nằm cặp Đường tỉnh 936B, diện tích đất 3.200 m². Quy hoạch nâng cấp, cải tạo, mật độ xây dựng ≤ 40%, tầng cao tối đa 2 tầng.

- Đình Hòa Quới: Giữ nguyên hiện trạng, vị trí ở ấp Lương Văn Hoàng, nằm cặp Đường tỉnh 936B, diện tích đất 9.300 m².

- Bãi rác xã Ngọc Tố: Giữ nguyên hiện trạng, vị trí ở ấp Lương Văn Hoàng, diện tích đất 10.249,20 m².

- Nhà Văn hóa - Khu Thể thao ấp Lương Văn Hoàng: Vị trí nằm cặp Đường tỉnh 936B, diện tích đất 100 m², tầng cao 1 tầng. Quy hoạch nâng cấp, mở rộng, diện tích đất 800 m², trong đó: diện tích đất nhà văn hóa 300 m², khu thể thao 500 m², mật độ xây dựng ≤ 40%, tầng cao tối đa 2 tầng..

- Khu thể thao liên ấp Lương Văn Hoàng - Lương Văn Huỳnh: Vị trí nằm cặp Đường tỉnh 936B, diện tích đất 1.100 m². Quy hoạch nâng cấp, cải tạo, mật độ xây dựng ≤ 40%, tầng cao tối đa 2 tầng.

d) Ấp Trần Minh Quyền:

- Khu thể thao liên ấp Trần Minh Quyền - Hòa Tân: Vị trí nằm cặp Đường cặp kênh Trần Minh Quyền - Ba Chùa (Bờ Đông), diện tích đất 12.300 m². Quy hoạch nâng cấp, cải tạo, mật độ xây dựng ≤ 40%, tầng cao tối đa 2 tầng.

- Nhà Văn hóa - Khu Thể thao ấp Trần Minh Quyền: Vị trí nằm cặp Đường cặp kênh Trần Minh Quyền (Bờ Bắc), diện tích đất 100 m², tầng cao 1 tầng. Quy hoạch nâng cấp, mở rộng, diện tích đất 800 m², trong đó: diện tích đất nhà văn hóa 300 m², Khu thể thao 500 m², mật độ xây dựng ≤ 40%, tầng cao tối đa 2 tầng.

đ) Ấp Hòa Lý:

- Nhà Thờ Hòa Lý: Giữ nguyên hiện trạng, vị trí ở ấp Hòa Lý, nằm cặp Đường tỉnh 936, diện tích đất 14.000 m².

- Nhà Văn hóa - Khu Thể thao ấp Hòa Lý: Vị trí nằm cặp Đường cặp đường tỉnh 936 (Hòa Lý - Chợ Cổ Cò), diện tích đất 100 m², tầng cao 1 tầng. Quy hoạch

nâng cấp, mở rộng, diện tích đất 800 m², trong đó: diện tích đất nhà văn hóa 300 m², khu thể thao áp 500 m², mật độ xây dựng ≤ 40%, tầng cao tối đa 2 tầng.

e) Ấp Nguyễn Văn Mận:

- Trường Mầm non Ngọc Tố (điểm lẻ ấp Nguyễn Văn Mận): Vị trí nằm cặp Đường bê tông Nguyễn Văn Mận - Trần Minh Quyền, diện tích đất 2.500 m², tầng cao 1 tầng. Quy hoạch nâng cấp, cải tạo, mật độ xây dựng ≤ 40%, tầng cao tối đa 2 tầng.

- Trường Tiểu Học Ngọc Tố 1 (điểm lẻ ấp Nguyễn Văn Mận): Vị trí nằm cặp Đường bê tông Nguyễn Văn Mận - Trần Minh Quyền, diện tích đất 1.505 m², tầng cao 2 tầng. Quy hoạch nâng cấp, cải tạo, mật độ xây dựng ≤ 40%, tầng cao tối đa 3 tầng.

- Nhà Văn hóa - Khu Thể thao ấp Nguyễn Văn Mận: Vị trí nằm cặp Đường nội ấp Nguyễn Văn Mận, diện tích đất 100 m², tầng cao 1 tầng. Quy hoạch nâng cấp, mở rộng, diện tích đất 800 m², trong đó diện tích đất nhà văn hóa 300 m², khu thể thao áp 500 m², mật độ xây dựng ≤ 40%, tầng cao tối đa 2 tầng.

g) Ấp Lương Văn Huỳnh:

- Nhà Văn hóa - Khu Thể thao ấp Lương Văn Huỳnh: Vị trí nằm cặp Đường tuyến 6 Diển - 7 Chậm, diện tích đất 100 m², tầng cao 1 tầng. Quy hoạch nâng cấp, mở rộng, diện tích đất 800 m², trong đó diện tích đất nhà văn hóa 300 m², khu thể thao áp 500 m², mật độ xây dựng ≤ 40%, tầng cao tối đa 2 tầng.

h) Ấp Hòa Tần:

- Nhà Văn hóa - Khu Thể thao ấp Hòa Tần: Vị trí nằm cặp Đường cặp kênh Hòa Tần, diện tích đất 100 m², tầng cao 1 tầng. Quy hoạch nâng cấp, mở rộng, diện tích đất 800 m², trong đó diện tích đất nhà văn hóa 300 m², khu thể thao áp 500 m², mật độ xây dựng ≤ 40%, tầng cao tối đa 2 tầng.

i) Ấp Hòa Đại:

- Nhà Văn hóa - Khu Thể thao ấp Hòa Đại: Vị trí nằm cặp Đường tỉnh 936B, diện tích đất 100 m², tầng cao 1 tầng. Quy hoạch nâng cấp, mở rộng, diện tích đất 800 m², trong đó: diện tích đất nhà văn hóa 300 m², khu thể thao áp 500 m², mật độ xây dựng ≤ 40%, tầng cao tối đa 2 tầng.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG XÃ NGỌC TỐ

STT	VỊ TRÍ	TÊN CÔNG TRÌNH	DIỆN TÍCH ĐẤT HIỆN TRẠNG (m²)	DIỆN TÍCH QUY HOẠCH (m²)	ĐỊNH HƯỚNG
1	ấp Cổ Cò	TRỤ SỞ KHU HÀNH CHÍNH <i>Trong đó:</i>	10.255,10		
		+ Đảng ủy - UBND xã	490,05		Nâng cấp, cải tạo
		+ Ban chỉ huy quân sự xã	136,80		Nâng cấp, cải tạo
		+ Nhà văn hóa xã	374,66		Nâng cấp, cải tạo
		+ Nhà tưởng niệm	1.200		Nâng cấp, cải tạo
2		Trụ sở công an xã (Chưa đạt chuẩn)	108,70		Di dời do chưa đạt chuẩn
3		Trụ sở công an xã	-	2.000	Quy hoạch mới
4		Nhà văn hóa - khu thể thao ấp Cổ Cò	74,80	800	Nâng cấp, mở rộng
5		Khu thể thao đa năng	2.200	-	Nâng cấp, cải tạo
6		Nghĩa trang Nhân dân	-	13.794	Quy hoạch mới
7	Buru điện xã	264,80	-	Nâng cấp, cải tạo	
8	Chợ Cổ Cò	7.200	-	Nâng cấp, cải tạo	
9	Trạm cấp nước	500	-	Nâng cấp, mở rộng	

STT	VỊ TRÍ	TÊN CÔNG TRÌNH	DIỆN TÍCH ĐẤT HIỆN TRẠNG (m²)	DIỆN TÍCH QUY HOẠCH (m²)	ĐỊNH HƯỚNG
10	ấp Cổ Cò	Trường mầm non Ngọc Tố (điểm chính)	3.420	-	Nâng cấp, cải tạo
11		Trường tiểu học Ngọc Tố 2	4.600	-	Nâng cấp, cải tạo
12		Trường THCS Ngọc Tố	9.803	-	Nâng cấp, cải tạo
13		Trường THPT Ngọc Tố	9.218	-	Nâng cấp, cải tạo
14	ấp Hòa Muôn	Trạm y tế xã	1.500	-	Nâng cấp, cải tạo
15		Cổ miếu Thiện hậu Thánh mẫu	1.620	-	Giữ nguyên hiện trạng
16		Nhà văn hóa - khu thể thao ấp Hòa Muôn	100	800	Nâng cấp, mở rộng
17	ấp Lương Văn Hoàng	Khu thể thao liên ấp Lương Văn Hoàng - Lương Văn Huỳnh	1.100	-	Nâng cấp, cải tạo
18		Đình Hòa Quới	9.300	-	Giữ nguyên hiện trạng
19		Chợ Hòa Quới	3.200	-	Nâng cấp, cải tạo
20		Trường mầm non Ngọc Tố (Điểm lẻ)	1.461	-	Nâng cấp, cải tạo
21		Trường tiểu học Ngọc Tố 1 (Điểm chính)	3.309	-	Nâng cấp, cải tạo
22		Bãi rác	10.249,20	-	Giữ nguyên hiện trạng
23		Nhà văn hóa - khu thể thao ấp Lương Văn Hoàng	82,80	800	Nâng cấp, mở rộng

STT	VỊ TRÍ	TÊN CÔNG TRÌNH	DIỆN TÍCH ĐẤT HIỆN TRẠNG (m²)	DIỆN TÍCH QUY HOẠCH (m²)	ĐỊNH HƯỚNG
24	ấp Trần Minh Quyền	Khu thể thao liên ấp Trần Minh Quyền - Hòa Tân	12.300	-	Nâng cấp, cải tạo
25		Nhà văn hóa - khu thể thao ấp Trần Minh Quyền	100	800	Nâng cấp, mở rộng
26	ấp Hòa Lý	Nhà thờ Hòa Lý	14.000	-	Giữ nguyên hiện trạng
27		Nhà văn hóa - khu thể thao ấp Hòa Lý	100	800	Nâng cấp, mở rộng
28	ấp Nguyễn Văn Mận	Trường mầm non Ngọc Tố (điểm lẻ)	2.500	-	Nâng cấp, cải tạo
29		Trường tiểu học Ngọc Tố 1 (điểm lẻ)	1.505	-	Nâng cấp, cải tạo
30		Nhà văn hóa - khu thể thao ấp Nguyễn Văn Mận	100	800	Nâng cấp, mở rộng
31	ấp Lương Văn Huỳnh	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp Lương Văn Huỳnh	100	800	Nâng cấp, mở rộng
32	ấp Hòa Tân	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp Hòa Tân	100	800	Nâng cấp, mở rộng
33	ấp Hòa Đại	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp Hòa Đại	100	800	Nâng cấp, mở rộng

6.2. Chỉ tiêu, hình thức kiến trúc cho từng loại đất ở khu dân cư mới và khu dân cư hiện hữu

a) Khu dân cư ngập lụt hoặc trong vùng thiên tai: Hiện nay, xã không có khu dân cư vượt lũ.

b) Cơ cấu các công trình chính trong lô đất ở của 01 hộ gia đình:

- Các chức năng cơ bản cho lô đất hộ gia đình gồm:

+ Công trình nhà ở chính.

+ Các công trình phụ.

+ Sân, vườn, ao.

- Yêu cầu cho lô đất hộ gia đình:

+ Phải đảm bảo bố trí hợp lý, phù hợp với điều kiện tự nhiên, cảnh quan chung.

+ Các công trình sản xuất, chăn nuôi trong lô đất gia đình phải có hệ thống kỹ thuật thu gom và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

c) Nhà ở hộ dịch vụ (nhà liên kế):

- Đối với nhà hiện hữu:

+ Khuyến khích nâng tầng tạo bộ mặt nông thôn mới.

+ Xây dựng vệ sinh tự hoại phù hợp với điều kiện sinh hoạt.

+ Tổ chức lại mặt bằng phù hợp với sinh hoạt của gia đình.

- Đối với nhà xây mới: Nhà ở là công trình xây dựng trên thửa đất có chức năng ở và được dùng để ở, bao gồm 03 bộ phận: nền - móng, khung - tường, mái.

d) Nhà ở nông thôn đạt chuẩn phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Đối với nhà hiện hữu:

+ Khuyến khích cải tạo nhà lại theo hướng thông thoáng, sạch sẽ cao ráo.

+ Xây dựng vệ sinh tự hoại phù hợp với điều kiện sinh hoạt.

+ Tổ chức lại mặt bằng phù hợp với sinh hoạt của gia đình.

+ Có vườn bao quanh nhà.

- Đối với nhà xây mới: Nhà ở nông thôn phải đảm bảo “3 cứng” (nền cứng, khung cứng, mái cứng). Các bộ phận nền, khung, mái của căn nhà phải được làm từ các loại vật liệu có chất lượng tốt, không làm từ các loại vật liệu tạm, mau hỏng, dễ cháy.

- Đối với khu vực đồng bằng diện tích ở tối thiểu đạt từ 14 m²/người trở lên. Diện tích tối thiểu một căn nhà từ 30 m² trở lên, đối với hộ đơn thân, diện tích tối thiểu một căn nhà từ 18 m² trở lên.

- Niên hạn sử dụng công trình nhà ở từ 20 năm trở lên; đối với nhà ở đã, đang thực hiện hỗ trợ theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì niên hạn sử

dụng lấy theo quy định tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đó.

- Các công trình phụ trợ (bếp, nhà tiêu, chuồng trại chăn nuôi...) phải được bố trí đảm bảo vệ sinh, thuận tiện cho sinh hoạt, thu gom các loại chất thải (nước thải và chất thải rắn); kiến trúc, mẫu nhà ở phù hợp với phong tục, tập quán, lối sống của từng dân tộc, vùng miền.

6.3. Tổ chức các khu vực sản xuất, (tiểu thủ công nghiệp tập trung, làng nghề và phục vụ sản xuất nông nghiệp...) dịch vụ và các khu vực đặc thù khác:

a) Quy định khu vực chăn nuôi, sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp:

- Các khu vực sản xuất: khu vực nuôi trồng thủy sản, hoa màu, cây ăn quả... khu vực chăn nuôi...

- Quy hoạch sử dụng đất toàn xã phải dành đất cho:

- + Khu sản xuất, tiểu thủ công nghiệp.
- + Khu chăn nuôi tập trung.
- + Khu nuôi trồng thủy sản tập trung.

- Quy hoạch xây dựng các công trình sản xuất và phục vụ sản xuất phải phù hợp với tiềm năng phát triển nuôi trồng của xã như:

- + Tiềm năng về đất đai (nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi gia súc).
- + Tiềm năng phát triển công nghiệp chế biến thủy sản và thực phẩm.
- + Các điều kiện cần cho sản xuất: thị trường tiêu thụ, khả năng huy động vốn, các công nghệ có thể áp dụng, hạ tầng kỹ thuật (giao thông vận tải, cấp điện, cấp nước, thoát nước).

- Khu vực chăn nuôi, phục vụ sản xuất phải đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường, khoảng cách từ nhà ở tới các khu vực chăn nuôi, sản xuất, kho chứa hóa chất bảo vệ thực vật phải > 200 m.

b) Quy định về khu sản xuất tiểu thủ công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung, làng nghề:

- Các khu tiểu thủ công nghiệp tập trung phải tuân thủ quy định về sử dụng đất và môi trường như đối với các cụm công nghiệp tập trung:

+ Những cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp không gây độc hại có thể bố trí trong khu ở, tại các nhà phụ của từng hộ gia đình nhưng không được để nước thải và tiếng ồn gây ô nhiễm môi trường.

+ Cơ sở sản xuất có tác động xấu tới môi trường phải bố trí thành các cụm, nằm ngoài khu ở, gần đầu mối giao thông.

+ Giữa các khu sản xuất và khu ở yêu cầu phải có khoảng cách ly phù hợp với đặc điểm quy mô của công trình sản xuất.

+ Bố trí hợp lý mạng lưới hạ tầng kỹ thuật và đảm bảo cách ly vệ sinh phù hợp với đặc điểm, quy mô và mức độ độc hại của công trình sản xuất tiểu thủ công nghiệp và nuôi trồng thủy sản.

- Khoảng cách an toàn môi trường của khu sản xuất tiểu thủ công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung phải đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường (khoảng cách ly vệ sinh) theo quy định.

7. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, công trình đầu mối trong phạm vi xã:

7.1. Chuẩn bị kỹ thuật:

Chọn cao độ xây dựng: Cao độ xây dựng chung cho các điểm dân cư trong xã Ngọc Tố là: $H_{xd} \geq 2$ m.

7.2. Quy hoạch mạng lưới thoát nước mưa:

- Sử dụng hệ thống thoát nước chung nước mưa và nước thải sinh hoạt thoát trực tiếp ra sông rạch theo hướng ngắn nhất. Nước thải sinh hoạt phải được xử lý cục bộ trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung. Đối với các khu sản xuất tiểu thủ công nghiệp và khu vực chợ nước thải phải được xử lý đúng quy định trước khi đổ vào hệ thống thoát nước chung.

- Giữ lại toàn bộ tuyến kênh hiện hữu giải quyết thoát nước cho các điểm dân cư. Chia nhỏ các lưu vực thoát nước, xây dựng các tuyến thoát nước ngắn thoát nước nhanh ra các kênh.

7.3. Quy hoạch giao thông:

a) Giao thông đối ngoại:

- Đường tỉnh 936 và Đường tỉnh 936B là 2 tuyến giao thông đối ngoại quan trọng giao lưu phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội của xã, 02 tuyến này dài 9,6 km, kết cấu nhựa, hiện trạng mặt đường rộng 5 m.

- Đường trục phát triển kinh tế Đông Tây là tuyến giao thông giữ vai trò quan trọng của tỉnh Sóc Trăng. Đi qua xã với chiều dài 3,75 km, kết cấu nhựa, hiện trạng mặt đường rộng 7 m, giúp kết nối trực tiếp xã với các vùng lân cận như huyện Thạnh Trị, Trần Đề, thị xã Vĩnh Châu, Ngã Năm.

- Đường huyện 51 là tuyến giao thông giúp kết nối và phát triển khu vực phía Bắc của xã. Tuyến này dài 7,35 km, kết cấu nhựa, hiện trạng mặt đường rộng 3,5 m.

- Đường huyện 54 theo quy hoạch Giao thông tỉnh, trên địa bàn xã dự kiến dài 2,05 km, kết nối tuyến Đường trục phát triển kinh tế Đông Tây với Đường huyện 51, xã Hòa Tú 1.

- Đường huyện 55 theo quy hoạch Giao thông tỉnh, trên địa bàn xã dự kiến dài 2,2 km, kết nối từ Đường tỉnh 936B đến xã Ngọc Đông.

- Đường huyện 51B theo quy hoạch giao thông tỉnh, trên địa bàn xã dự kiến dài 5,9 km, kết nối từ Đường huyện 55 đến xã Hòa Tú 2.

b) Giao thông đối nội:

- Đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm:

+ Đường cấp DT 936 (Hòa lý - Chợ cổ cò), kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 2,25 km, hiện trạng mặt đường rộng 3,5m. Quy hoạch nâng cấp, cải tạo mặt đường 3,5m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,75 m, kết cấu đan bê tông cốt thép.

+ Đường cấp kênh Trục 10, kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 5,9 km, hiện trạng mặt đường rộng 2,5 m. Quy hoạch nâng cấp, mở rộng mặt đường 3,5 m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,75 m, kết cấu đan bê tông cốt thép.

+ Quy hoạch mới Đường cấp kênh Thanh Mỹ (bờ Nam), với chiều dài 7,3 km, mặt đường rộng 3,5 m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,75 m, kết cấu đan bê tông cốt thép.

- Đường ấp và đường liên ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm:

Mạng lưới đường trục ấp, liên ấp được bố trí xây dựng trên cơ sở các đường có sẵn (đường dale nông thôn, đường đất..), nhằm tạo ra mạng lưới giao thông chặt chẽ đồng bộ với mạng lưới đường trục xã và trong ấp, kết nối giữa các trung tâm ấp với nhau và mạng lưới đường trục xã.

+ Đường cấp kênh Trục 2 (bờ Đông), kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 1,5 km, hiện trạng mặt đường rộng 3 m. Quy hoạch nâng cấp, cải tạo mặt đường 3 m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5 m, kết cấu đan bê tông cốt thép.

+ Đường cấp kênh Trục 2 (bờ Tây), kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 1,5 km, hiện trạng mặt đường rộng 3 m. Quy hoạch nâng cấp, cải tạo mặt đường 3 m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5 m, kết cấu đan bê tông cốt thép.

+ Đường cấp kênh Trục 3 (bờ Đông), kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 2,4 km, hiện trạng mặt đường rộng 3 m. Quy hoạch nâng cấp, cải tạo mặt đường 3 m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5 m, kết cấu đan bê tông cốt thép.

+ Đường cấp kênh 3 Quân (bờ Tây), kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 0,65 km, hiện trạng mặt đường rộng 3 m. Quy hoạch nâng cấp, cải tạo mặt đường 3 m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5 m, kết cấu đan bê tông cốt thép.

+ Đường cấp kênh Trần Minh Quyền (bờ Bắc), kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 1,85 km, hiện trạng mặt đường rộng 2 m. Quy hoạch nâng cấp, mở rộng mặt đường 3 m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5 m, kết cấu đan bê tông cốt thép.

+ Đường nội áp Nguyễn Văn Mậu, kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 0,95 km, hiện trạng mặt đường rộng 3 m. Quy hoạch nâng cấp, cải tạo mặt đường 3 m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5 m, kết cấu đan bê tông cốt thép.

+ Đường bê tông Nguyễn Văn Mậu -Trần Minh Quyền, kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 3,15 km, hiện trạng mặt đường rộng 1,8 m. Quy hoạch nâng cấp, mở rộng mặt đường 3 m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5 m, kết cấu đan bê tông cốt thép.

+ Đường 06 Diễn - 7 Chậm, kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 3,35 km, hiện trạng mặt đường rộng 3 m. Quy hoạch nâng cấp, cải tạo mặt đường 3 m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5 m, kết cấu đan bê tông cốt thép.

+ Đường nội Áp Lương Văn Huynh, kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 1 km, hiện trạng mặt đường rộng 3 m. Quy hoạch nâng cấp, cải tạo mặt đường 3 m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5 m, kết cấu đan bê tông cốt thép.

+ Đường cặp kênh Trục 5 (ràch Củ Cải), kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 4,15 km, hiện trạng mặt đường rộng 3 m. Quy hoạch nâng cấp, cải tạo mặt đường 3 m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5 m, kết cấu đan bê tông cốt thép.

+ Đường cặp kênh Trục 4 (bờ Đông), kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 2 km, hiện trạng mặt đường rộng 3 m. Quy hoạch nâng cấp, cải tạo mặt đường 3 m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5 m, kết cấu đan bê tông cốt thép.

+ Đường đal Hòa Đại - Lương Văn Hoàng, kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 1,80 km, hiện trạng mặt đường rộng 2 m. Quy hoạch nâng cấp, mở rộng mặt đường 3 m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5 m, kết cấu đan bê tông cốt thép.

+ Đường cặp kênh Trục 2 đến kênh Nghi Quân, kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 2,15 km, hiện trạng mặt đường rộng 3 m. Quy hoạch nâng cấp, cải tạo mặt đường 3 m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5 m, kết cấu đan bê tông cốt thép.

+ Đường cặp kênh Trục 3 đến kênh Trục 4, kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 2,70 km, hiện trạng mặt đường rộng 2,5 m. Quy hoạch nâng cấp, mở rộng mặt đường 3 m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5 m, kết cấu đan bê tông cốt thép.

+ Đường cặp kênh Trục 3 (bờ Tây), kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 1,8 km, hiện trạng mặt đường rộng 1,8 m. Quy hoạch nâng cấp, mở rộng mặt đường 3 m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5 m, kết cấu đan bê tông cốt thép.

+ Quy hoạch mới Đường cặp kênh Trục 3 (bờ Tây) - nối dài, với chiều dài 1,7 km, mặt đường rộng 3 m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5 m, kết cấu đan bê tông cốt thép.

+ Quy hoạch mới Đường cặp kênh trục 9 (bờ Nam), với chiều dài 2,7 km, mặt đường rộng 3 m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5 m, kết cấu đan bê tông cốt thép.

+ Quy hoạch mới Đường cặp kênh Trục 2 (bờ Tây) - nối dài, với chiều dài 0,75 km, mặt đường rộng 3 m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5 m, kết cấu đan bê tông cốt thép.

+ Quy hoạch mới Đường cặp kênh trục 10 (Bờ Bắc), với chiều dài 3,5 km, mặt đường rộng 3 m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5 m, kết cấu đan bê tông cốt thép.

+ Quy hoạch mới Đường cặp kênh trục 10 (Bờ Bắc) - đoạn dưới, với chiều dài 1,3 km, mặt đường rộng 3 m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5 m, kết cấu đan bê tông cốt thép.

- Đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm:

+ Đường cặp kênh Hòa Tân - Hòa Thọ, kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 2,25 km, hiện trạng mặt đường rộng 2,5 m. Quy hoạch nâng cấp, mở rộng mặt đường 3 m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5 m, kết cấu đan bê tông cốt thép.

+ Đường cặp kênh Hòa Tân, kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 1,46 km, hiện trạng mặt đường rộng 2 m. Quy hoạch nâng cấp, mở rộng mặt đường 3 m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5m, kết cấu đan bê tông cốt thép.

+ Đường cặp kênh cách ly Lương Văn Hoàng - Hòa Đại (bờ Nam), kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 1,5 km, hiện trạng mặt đường rộng 2,5 m. Quy hoạch nâng cấp, mở rộng mặt đường 3 m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5 m, kết cấu đan bê tông cốt thép.

+ Đường cặp kênh Xóm Lung - Nghi Quân, kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 1,5 km, hiện trạng mặt đường rộng 2,5 m. Quy hoạch nâng cấp, mở rộng mặt đường 3 m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5 m, kết cấu đan bê tông cốt thép.

+ Đường cặp kênh Trần Minh Quyền - Ba Chùa (bờ Đông), kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 0,75 km, hiện trạng mặt đường rộng 2,5 m. Quy hoạch nâng cấp, mở rộng mặt đường 3 m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5 m, kết cấu đan bê tông cốt thép.

+ Đường nội áp Trần Minh Quyền (bờ Tây), kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 0,58 km, hiện trạng mặt đường rộng 2,5 m. Quy hoạch nâng cấp, mở rộng mặt đường 3 m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5 m, kết cấu đan bê tông cốt thép.

+ Đường cặp kênh Cây Dương, kết cấu đan bê tông cốt thép, có chiều dài 0,70 km, hiện trạng mặt đường rộng 2,5 m. Quy hoạch nâng cấp, mở rộng mặt đường 3 m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5 m, kết cấu đan bê tông cốt thép.

+ Quy hoạch mới Đường cặp kênh Hòa Tân (Bờ Đông), với chiều dài 1,7 km, mặt đường rộng 3 m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5 m, kết cấu đan bê tông cốt thép.

+ Quy hoạch mới Đường cặp kênh trục 4 bờ Tây, với chiều dài 2,3 km, mặt đường rộng 3 m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5 m, kết cấu đan bê tông cốt thép.

c) Khối lượng đạt được sau quy hoạch:

- Đường Tỉnh: 13,35 km.
- Đường Huyện: 17,5 km.
- Đường trục xã, liên xã: 15,45 km.
- Đường trục ấp, liên ấp: 39,8 km.
- Đường ngõ, xóm: 12,47 km.

DANH MỤC GIAO THÔNG XÃ NGỌC TỔ

Stt	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Mặt đường (m)	Mặt cắt Quy hoạch			Kết Cấu
						Lề (m)	Mặt (m)	Lề (m)	
ĐƯỜNG TỈNH				13,35					
1	Đường tỉnh 936	Ranh Ngọc Đông	Chợ Cổ Cò	2,6	5	Theo Quy hoạch tỉnh			Nhựa
2	Đường tỉnh 936B	Ranh Hòa Tú 2	Chợ Cổ Cò	7	5	Theo Quy hoạch tỉnh			Nhựa
3	Đường trục phát triển kinh tế Đông Tây	Ranh Hòa Tú 1	sông Cổ Cò	3,75	7	Theo Quy hoạch tỉnh			Nhựa
ĐƯỜNG HUYỆN				17,5					
1	Đường huyện 51	Ranh Hòa Tú 1	ĐT 936	7,35	3,5	Theo Quy hoạch tỉnh			Nhựa
2	Đường huyện 54	ĐH 51	Đường Đông Tây	2,05	Chưa có	Theo Quy hoạch tỉnh			Nhựa
3	Đường huyện 51B	ĐH 55	xã Hòa Tú 2	5,9	Chưa có	Theo Quy hoạch tỉnh			Nhựa
4	Đường huyện 55	xã Ngọc Đông	Đường tỉnh 936B	2,2	Chưa có	Theo Quy hoạch tỉnh			Nhựa
ĐƯỜNG XÃ, LIÊN XÃ				15,45					
1	Đường cấp ĐT 936 (Hòa lý - Chợ cổ cò)	Sông Dù Tho	Kênh Trục 9	2,25	3,5	0,75	3,5	0,75	Bê tông cốt thép

Stt	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Mặt đường	Mặt cắt Quy hoạch			Kết Cấu
2	Đường cấp kênh Trục 10	Kênh Thạnh Mỹ	Ranh Hòa Tú 2	5,9	2,5	0,75	3,5	0,75	Bê tông cốt thép
3	Đường cấp kênh Thạnh Mỹ (Bờ Nam)	Đường tỉnh 936	Ranh Hòa Tú 1	7,3	Chưa có	0,75	3,5	0,75	Bê tông cốt thép
ĐƯỜNG ÁP VÀ LIÊN ÁP				39,8					
1	Đường cấp kênh Trục 2 (bờ đông)	ĐT 936B	Kênh Trục 10	1,5	3	0,5	3	0,5	Bê tông cốt thép
2	Đường cấp kênh Trục 2 (bờ tây)	ĐT 936B	Kênh Trục 10	1,5	3	0,5	3	0,5	Bê tông cốt thép
3	Đường cấp kênh Trục 3 (bờ đông)	ĐT 936B	ấp T.M.Quyền	2,4	3	0,5	3	0,5	Bê tông cốt thép
4	Đường cấp kênh 3 Quân (bờ tây)	kênh đê Mỹ Thanh	Kênh Trục 9	0,65	3	0,5	3	0,5	Bê tông cốt thép
5	Đường cấp kênh Trần Minh Quyền (bờ bắc)	Cầu N.V.Mận	Cầu Hòa Tàn	1,85	2	0,5	3	0,5	Bê tông cốt thép
6	Đường nội áp Nguyễn Văn Mận	Cầu N.V.Mận	ĐH 51	0,95	3	0,5	3	0,5	Bê tông cốt thép
7	Đường BT Nguyễn Văn Mận -Trần Minh Quyền	Cầu Nguyễn V Mận	kênh Trục 3	3,15	1,8	0,5	3	0,5	Bê tông cốt thép
8	Đường 06 Diễn - 7 Chạm	ĐT 936B	Ranh Hòa Tú 1	3,35	3	0,5	3	0,5	Bê tông cốt thép
9	Đường nội Áp Lương Văn Huỳnh	ĐT 936B	Ranh Hòa Tú 2	1	3	0,5	3	0,5	Bê tông cốt thép
10	Đường cấp kênh Trục 5 (rạch củ cải)	ĐT 936B	Tuyến 06 Diễn - 7 Chạm	4,15	3	0,5	3	0,5	Bê tông cốt thép

Stt	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Mặt đường	Mặt cắt Quy hoạch			Kết Cấu
11	Đường cấp kênh Trục 4 (bờ đông)	kênh Trục 9	kênh T.M.Quyền	2	3	0,5	3	0,5	Bê tông cốt thép
12	Đường đal Hòa Đại - Lương Văn Hoàng	kênh Trục 2	kênh Trục 3	1,8	2	0,5	3	0,5	Bê tông cốt thép
13	Đường cấp kênh Trục 2 đến kênh Nghi Quân	kênh Trục 2	kênh Xóm Lung - Nghi Quân	2,15	3	0,5	3	0,5	Bê tông cốt thép
14	Đường cấp kênh Trục 3 đến kênh Trục 4	kênh Trục 3	kênh Trục 4	2,7	2,5	0,5	3	0,5	Bê tông cốt thép
15	Đường cấp kênh Trục 3 (bờ tây)	ĐT 936B	kênh Trục 10	0,7	1,8	0,5	3	0,5	Bê tông cốt thép
16	Đường cấp kênh Trục 3 (bờ tây)- nối dài	kênh Trục 9	kênh T.M.Quyền	1,7	Đất	0,5	3	0,5	Bê tông cốt thép
17	Đường cấp kênh trục 9 (Bờ Nam)	Đường tỉnh 936	kênh Trục 2	2,7	Đất	0,5	3	0,5	Bê tông cốt thép
18	Đường cấp kênh Trục 2 (bờ tây) - nối dài	kênh Trục 9	kênh Trục 10	0,75	Đất	0,5	3	0,5	Bê tông cốt thép
19	Đường cấp kênh trục 10 (Bờ Bắc)	Kênh Thạnh Mỹ	kênh Hòa Tần	3,5	Đất	0,5	3	0,5	Bê tông cốt thép
20	Đường cấp kênh trục 10 (Bờ Bắc) đoạn dưới	Đường Đông Tây	Ranh Hòa Tú 1	1,3	Đất	0,5	3	0,5	Bê tông cốt thép
ĐƯỜNG NGÕ XÓM				12,74					
1	Đường cấp kênh Hòa Tần - Hòa Thọ	Đường cấp kênh Thạnh Mỹ (phụ)	kênh T.M.Quyền - Ba Chùa	2,25	2,5	0,5	3	0,5	Bê tông cốt thép
2	Đường cấp kênh Hòa Tần (Bờ Tây)	ĐH 51	kênh Trục 3	1,46	2	0,5	3	0,5	Bê tông cốt thép

Stt	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Mặt đường	Mặt cắt Quy hoạch			Kết Cấu
3	Đường cấp kênh cách ly Lương Văn Hoàng - Hòa Đại (bờ Nam)	kênh Trục 2	kênh Xóm Lung - Nghi Quân	1,5	2,5	0,5	3	0,5	Bê tông cốt thép
4	Đường cấp kênh Xóm Lung - Nghi Quân	kênh Trục 9	kênh Trục 10	1,5	2,5	0,5	3	0,5	Bê tông cốt thép
5	Đường cấp kênh Trần Minh Quyền - Ba Chùa (bờ Đông)	Kênh T.M.Quyền	ĐH 51	0,75	2,5	0,5	3	0,5	Bê tông cốt thép
6	Đường nội áp Trần Minh Quyền (bờ Tây)	ĐH 51	Kênh T.M.Quyền	0,58	2,5	0,5	3	0,5	Bê tông cốt thép
7	Đường cấp kênh Cây Dương	ĐT 936B	sông Cổ Cò	0,7	2,5	0,5	3	0,5	Bê tông cốt thép
8	Đường cấp kênh Hòa Tàn(Bờ đông)	Kênh Thạnh Mỹ	kênh Trục 10	1,7	Đất	0,5	3	0,5	Bê tông cốt thép
9	Đường cấp kênh trục 4 bờ tây	Đường tỉnh 936B	Đường BT N.V.Mận - T.M.Quyền	2,3	Đất	0,5	3	0,5	Bê tông cốt thép

d) Giao thông thủy:

Xã Ngọc Tồ có hệ thống sông ngòi phát triển, điển hình như: Sông Cồ Cò, Sông Dù Tho, Kênh Thanh Mỹ, Kênh Hòa Đại - Xóm Lung, Kênh Hòa Quới - Trần Minh Quyền, Kênh Đê sông Mỹ Thanh, Kênh Ven,...

7.4. Quy hoạch cấp điện:

Nguồn cấp điện là tuyến trung thế 22kV dự kiến từ mạng điện quốc gia. Lưới điện được cấp chính từ đường dây trung thế trên tuyến Đường tỉnh 936 và 936B cấp cho các điểm dân cư, tuyến dân cư và cấp cho tuyến phục vụ sản xuất, kinh doanh buôn bán các mặt hàng nông sản.

7.5. Quy hoạch cấp nước:

Khai thác nguồn nước ngầm tại chỗ và xử lý hợp vệ sinh, nước được xử lý tại các trạm cấp nước tập trung và cấp đến các hộ dân thông qua mạng đường ống. Trạm cấp nước đặt tại ấp Cồ Cò, quy mô 500 m², đảm bảo phục vụ cho toàn xã.

7.6. Quy hoạch thoát nước bẩn:

- Tổng nước thải bằng 80% lượng nước cấp.
- Nước thải tại các điểm dân cư và các công trình công cộng: Nước thải được xử lý qua hầm tự hoại 03 ngăn trước khi thoát vào hệ thống chung.
- Nước thải tại các công trình phục vụ sản xuất được thiết kế hệ thống thu gom riêng và xử lý trước khi thoát ra kênh rạch hiện hữu.
- Phải có hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đảm bảo yêu cầu về môi trường. Nước thải từ các hộ gia đình trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung phải được xử lý qua bể tự hoại. Không được xả nước thải ra các ao hồ, kênh, rạch tự nhiên trừ trường hợp áp dụng công nghệ làm sạch nước thải bằng phương pháp sinh học trong điều kiện tự nhiên.

7.7. Vệ sinh môi trường:

Hiện tại xã có bố trí nơi thu gom xử lý chất thải, nước thải theo quy định. Bãi rác tập trung tại ấp Lương Văn Hoàng, diện tích đất 10.249,20 m².

8. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn vốn:

Dự kiến thực hiện đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn kêu gọi đầu tư hoặc vốn ngân sách. Trong quá trình thực hiện dự án, trình tự ưu tiên có thể thay đổi tùy theo khả năng kêu gọi đầu tư và phân bổ ngân sách của địa phương.

8.1. Giao thông và các công trình hạ tầng kỹ thuật:

Ưu tiên đầu tư các trục chính, trục liên xã trong khu quy hoạch trước để đảm bảo khung giao thông chính. Sau đó đầu tư đến các đường trục nội bộ, trục liên ấp, ngõ xóm đảm bảo tính kết nối giao thông trong toàn xã.

- Đường huyện 51B (theo quy hoạch của tỉnh): Nguồn vốn ngân sách.
- Đường huyện 54 (theo quy hoạch của tỉnh): Nguồn vốn ngân sách.
- Đường huyện 55 (theo quy hoạch của tỉnh): Nguồn vốn ngân sách.

- Đường cấp kênh Trục 10: Nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn kết hợp khác.

- Đường cấp kênh Trần Minh Quyền (bờ Bắc): Nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn kết hợp khác.

- Đường bê tông Nguyễn Văn Mận - Trần Minh Quyền: Nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn kết hợp khác.

- Đường 06 Diễn - 7 Chạm: Nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn kết hợp khác.

- Các tuyến giao thông và công trình hạ tầng kỹ thuật khác,... Nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn kết hợp khác.

8.2. Công trình hạ tầng xã hội:

- Công trình văn hóa, thể dục thể thao xã và các khu văn hóa thể thao ấp. Nguồn vốn ngân sách.

- Công trình hành chính xã: Nguồn vốn ngân sách.

- Công trình công cộng, dịch vụ: Nguồn vốn ngân sách.

- Công trình thương mại - dịch vụ: Nguồn vốn ngân sách hoặc kêu gọi đầu tư.

- Khu trung tâm xã lồng ghép khu dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn: Nguồn vốn ngân sách hoặc kêu gọi đầu tư.

9. Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch:

Việc quản lý xây dựng phải đảm bảo tuân thủ theo Quy định Quản lý xây dựng theo đồ án đã được lồng ghép vào nội dung thuyết minh.

10. Tiến độ, giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã:

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện Mỹ Xuyên;

- Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Trung tâm Quy hoạch Xây dựng - Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng;

- Cơ quan thẩm định: Phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện Mỹ Xuyên;

- Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Kinh tế và Hạ tầng chịu trách nhiệm kiểm tra, hoàn chỉnh các ý kiến đóng góp của Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng để nghiệm thu hồ sơ Điều chỉnh quy hoạch chung xã Ngọc Tố, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

2. Phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện Mỹ Xuyên chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân xã Ngọc Tố thực hiện công bố công khai Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xã Ngọc Tố, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng được duyệt. Chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc triển khai thực hiện quy hoạch theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Trưởng Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Ngọc Tố và Thủ trưởng các Cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đặng Văn Phương